

Bản án số: 99/2023/HS-PT

Ngày: 18 - 4 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Châu

Các Thẩm phán: 1. Ông Phan Thanh Nguyên

2. Bà Phạm Uyên Thy

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Lê Trọng Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2023/TLPT-HS ngày 07/02/2023 đối với bị cáo Lê Thị Thùy T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 123/2022/HS-ST ngày 29/12/2022 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Lê Thị Thùy T** (tên gọi khác: M1); giới tính: Nữ; sinh ngày: 21/8/1989, tại thành phố H; nơi đăng ký thường trú: đường A, phường B, quận C, thành phố H; nơi cư trú: đường X, phường Y, quận D, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Phước L (đã chết) và bà Đào Thị Cẩm X; chung sống như vợ chồng với ông Nguyễn Cơ Đ và có 01 con chung sinh năm 2017; tiền án: Không; tiền sự: Không;

Bị tạm giữ từ ngày 13/7/2013 đến ngày 16/7/2013; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị Thùy T: Luật sư Nguyễn Quang V - Công ty Luật TNHH ĐV - Thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 02/2013 Lê Thị Ngọc M và Lê Thị Thùy T thuê nhà tại đường C, phường D, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh để ở. Trưa ngày 12/7/2013, Lê Thị Ngọc M rủ Lê Thị Thùy T hùn mỗi người 500.000 đồng mua ma túy để sử dụng, Lê Thị Thùy T đồng ý. Lê Thị Ngọc M điện thoại cho người đàn ông tên N (không rõ lai lịch)

mua 1.000.000 đồng, N đồng ý và hẹn Lê Thị Ngọc M giao ma túy và nhận tiền tại đầu hẻm Đ, phường G, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, Lê Thị Ngọc M gặp một người phụ nữ đi xe đạp (không rõ lai lịch) đưa ma túy cho Lê Thị Ngọc M và nhận 1.000.000 đồng rồi bỏ đi. Lê Thị Ngọc M cất giấu gói ma túy vào trong bóp móc chìa khóa màu vàng rồi đi về nhà cùng Lê Thị Thùy T sử dụng. Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 12/7/2013, Công an Phường D, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra hành chính nhà của Lê Thị Ngọc M và Lê Thị Thùy T thuê ở, phát hiện có dụng cụ sử dụng ma túy nên thu giữ. Tại trụ sở Công an Phường D, Quận 4, Công an kiểm tra và phát hiện trong túi quần bên phải của Lê Thị Ngọc M đang mặc có cất giấu 01 gói ma túy nên lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Theo Kết luận giám định số 1191/KLGD-H ngày 18/7/2013 và Công văn số 58/PC54-Đ9 ngày 20/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an TP. Hồ Chí Minh kết luận: 01 gói nylon ma túy thu giữ của Lê Thị Ngọc M là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,1232 gam, loại Methamphetamine.

Đối với người đàn ông tên N và người phụ nữ giao ma túy cho Lê Thị Ngọc M, quá trình điều tra không xác định được lai lịch, nên không có cơ sở để làm rõ, xử lý.

Ngày 30/4/2015, Cơ quan điều tra tạm đình chỉ vụ án để xử lý việc giám định hàm lượng ma túy. Sau khi rà soát việc tạm đình chỉ, ngày 21/9/2021 Cơ quan điều tra Công an Quận 4 phục hồi điều tra vụ án.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 123/2022/HS-ST ngày 29/12/2022 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Lê Thị Thùy T 01 (một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 13/7/2013 đến ngày 16/7/2013.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về hình phạt đối với bị cáo Lê Thị Ngọc M, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/01/2023, bị cáo Lê Thị Thùy T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hoặc chuyển sang hình phạt khác nhẹ hơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Thị Thùy T giữ nguyên nội dung kháng cáo nêu trên và xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo trong thời gian luật định nên hợp lệ, cấp sơ thẩm đã căn cứ khối lượng ma túy để xét xử bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và nhận định bị cáo bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo Lê Thị Thùy T có lý lịch nhân thân tốt (nhiều năm liền từ năm 1999 đến năm 2002 đạt nhiều Huy chương vàng và giấy chứng nhận đạt thành tích cao trong bộ môn võ thuật do Sở thể dục thể thao thành phố H khen tặng), bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, làm mẹ đơn thân hiện đang nuôi con nhỏ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Mức hình phạt 01 năm tù đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo nộp tài liệu chứng cứ cho rằng là lao động chính,

nhưng tính tiết này đã được cấp sơ thẩm xem xét, ngoài ra bị cáo còn nộp kết quả test âm tính ma túy, đây không phải là tính tiết mới. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm; các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bị cáo không tham gia tranh luận.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Ngoài các tính tiết giảm nhẹ Viện kiểm sát nêu, bị cáo phạm tội là phụ nữ khi đang mang thai nên đề nghị áp dụng tính tiết giảm nhẹ tại điểm n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có cha mất sớm, mẹ đi lấy chồng nên một mình kiếm sống, qua kết quả test ma túy của Bệnh viện Sài Gòn, bị cáo có kết quả âm tính, điều đó chứng tỏ từ năm 2013 khi bị phát hiện hành vi tàng trữ ma túy cho đến nay, bị cáo nỗ lực từ bỏ ma túy, nay nếu giam bị cáo thì con nhỏ của bị cáo và mẹ già không có ai chăm sóc, nuôi dưỡng nên kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết 02 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cho bị cáo hưởng án treo.

Kiểm sát viên đối đáp: Luật sư cho rằng bị cáo phạm tội khi đang mang thai để áp dụng điểm n khoản 1 Điều 51 là không đúng của Bộ luật Hình sự, năm 2013 phạm tội, năm 2017 bị cáo mới sinh con, các tài liệu bị cáo nộp tại phiên tòa hôm nay không phải là tính tiết mới, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn và là lao động chính, nuôi con nhỏ, mẹ già thì có thể làm đơn xin hoãn thi hành án cho đến khi có đủ điều kiện để đi chấp hành án.

Kiểm sát viên, bị cáo và Luật sư bào chữa bảo lưu quan điểm, không tham gia đối đáp, tranh luận bổ sung.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Thị Thùy T trong thời hạn luật định là hợp lệ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa phúc thẩm.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản án sơ thẩm, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 12/7/2013, Công an phường D, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh khi kiểm tra hành chính đã phát hiện và bắt quả tang Lê Thị Ngọc M cất giấu trong người 1,1232 gam ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine. Số ma túy thu giữ là của Lê Thị Ngọc M và Lê Thị Thùy T hùn tiền với nhau mua về để sử dụng chung nên các bị cáo Lê Thị Ngọc M và Lê Thị Thùy T đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã căn cứ

khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nghị Quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội để xử phạt các bị cáo Lê Thị Ngọc M, Lê Thị Thùy T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Thị Thùy T: Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, hiện tại một mình đang nuôi con nhỏ sinh năm 2017, tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bản thân bị cáo có năng khiếu về môn Taekwondo, tích cực tham gia giải đấu thể thao được tổ chức tại nhiều địa phương trên cả nước, nhiều năm liên từ năm 1999 đến năm 2002 đoạt nhiều Huy chương vàng và giấy chứng nhận đạt thành tích cao trong bộ môn võ thuật do Vụ thể thao thành tích cao Tổng cục thể thao chứng nhận cho bị cáo, tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Mặt khác, vụ án xảy ra đã lâu, các cơ quan tiến hành tố tụng Quận 4 tạm đình chỉ, nay phục hồi điều tra để xử lý về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy đối với bị cáo Lê Thị Thùy T. Từ khi hành vi của bị cáo bị phát hiện đến nay bị cáo không sử dụng ma túy, không bị cơ quan nào xử lý về hành vi này, theo kết quả test các loại ma túy của Bệnh viện đa khoa SG ngày 17/4/2023 đều cho kết quả âm tính, nên Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc khi lượng hình đối với bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên xét không cần thiết bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà giữ nguyên mức hình phạt 01 năm tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo theo Điều 65 của Bộ luật Hình sự cũng đủ để răn đe bị cáo, phòng ngừa tội phạm.

Do đó, xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo là có cơ sở chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm.

Về ý kiến Luật sư cho rằng bị cáo là phụ nữ phạm tội khi đang mang thai là không chính xác bởi bị cáo Lê Thị Thùy T khi phạm tội chưa mang thai và đến khi xét xử sơ thẩm và phúc thẩm cũng không phải là phụ nữ mang thai nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo Lê Thị Thùy T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Thùy T, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 123/2022/HS-ST ngày 29/12/2022 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, như sau:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Thị Thùy T 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Thị Thùy T cho Ủy ban nhân dân phường Y, quận D, thành phố H giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Lê Thị Thùy T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Bị cáo Lê Thị Thùy T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích cho bị cáo chế định về án treo.)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- | | |
|--------------------------------|-----|
| - TANDTC; | (1) |
| - TAND Cấp Cao tại TP.HCM; | (1) |
| - VKSND Cấp cao tại TP.HCM; | (1) |
| - VKSND TP.HCM; | (3) |
| - P.PV06 - Công an TP.HCM; | (1) |
| - TAND Quận 4; | (1) |
| - VKSND Quận 4; | (1) |
| - Công an Quận 4; | (1) |
| - Chi cục THADS Quận 4; | (1) |
| - Bị cáo; | (1) |
| - Sở Tư pháp TP.HCM; | (1) |
| - UBND nơi bị cáo cư trú; | (1) |
| - Lưu Tòa Hình sự, hồ sơ (21). | (7) |

Trần Minh Châu